

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bảo Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa;
Ông Hoàng Ngọc Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên
toà:** Ông Nguyễn Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai H – Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Trường S - Sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Mai H trình bày:

Chị và anh Vũ Trường S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết

hôn số 13 ngày 31 tháng 3 năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hoá xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trường S.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 29/4/2016, và Vũ Khánh L1, sinh ngày 16/6/2018. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cháu Vũ Khánh L1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Minh T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là anh Vũ Trường S trình bày:*

Anh và chị Lê Thị Mai H chung sống là do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa năm 2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, anh thấy vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 29/4/2016, và Vũ Khánh L1, sinh ngày 16/6/2018. Anh đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Minh T và giao cháu Vũ Khánh L1 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Anh sẽ yêu cầu Toà án giải quyết sau.

Tại biên bản làm việc ngày 27/3/2025 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H thể hiện: anh Vũ Trường S và chị Lê Thị Mai H kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 31/3/2015. Sau khi kết hôn, anh S và chị H chung sống tại địa phương, cho đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm bắt được chính xác cụ thể. Hiện chị H đã về sinh sống tại gia đình mẹ đẻ chứ không còn chung sống với anh S. Anh S và chị H có 02 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 29/4/2016, và Vũ Khánh L1, sinh ngày 16/6/2018.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh S vắng mặt nên không thể hiện ý kiến tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng nhưng bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ đương sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Mai H, cho chị H được ly hôn với anh Vũ Trường S. Về con: giao cháu Vũ Khánh L1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Minh T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị Lê Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Mai H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Vũ Trường S nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh Vũ Trường S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Mai H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 06/5/2025, anh S vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa tới anh S. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh S vắng mặt không lý do.

Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh S đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 13 ngày 31/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ năm 2022 chị H chuyển về sống tại nhà ngoại ở xã H, chị xác định không còn tình cảm với anh S nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh S vắng mặt nên không thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình, tuy nhiên trong bản tự khai, anh S trình bày vợ chồng anh có mâu thuẫn từ năm 2020, đến nay, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, anh S và chị H đều khẳng định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, không

còn tình cảm với nhau và cũng thể hiện được anh S và chị H không thể hàn gắn được. Hiện anh chị đã sống ly thân.

Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh S.

[2.2] Về con chung: anh chị có 02 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 29/4/2016, và Vũ Khánh L1, sinh ngày 16/6/2018. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Khánh L1 và giao cháu Vũ Minh T cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai, anh S đồng ý với chị H về việc nuôi con chung khi ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2025, Cháu T có nguyện vọng được ở với bố, cháu L1 có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của chị H và anh S là giao cháu T cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu L1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ, sự trình bày của các đương sự và nguyện vọng của các cháu. Xét thấy, nguyện vọng của chị H và anh S là phù hợp nên áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Vũ Minh T cho anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Khánh L1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này chị H, anh S nhận thấy hai bên không có đủ điều kiện nuôi con chung thì có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Mai H ly hôn anh Vũ Trường S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Minh T, sinh ngày 29/4/2016 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Vũ Khánh L1, sinh ngày 16/6/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mai H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0000335, ngày 11 tháng 3 năm 2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mai H và anh Vũ Trường S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS huyện H;
- UBND xã H, H. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bảo Yến